TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 17 **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2026
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17– LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung
2/ Bà Nguyễn Thị Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 236/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 03 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-HN&GĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị C, sinh năm 1979. *Nơi cư trú:* Số nhà A, đường H, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1980. *Nơi cư trú:* Số nhà A, đường H, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt chị C và anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Đinh Thị Công trình B: Tôi và anh Lê Thanh P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V (cũ), nay là UBND xã Đ vào ngày 10/3/2003, giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2003. Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn. Đến nay tôi đã vào S bán chè, chúng tôi ly thân

hơn hai tháng nay không gặp lại nhau. Nguyên nhân là do trước đây tôi có nhắn tin qua mạng xã hội với một người bạn cũ. Anh P ghen tuông, cho rằng tôi có tình cảm với bạn học cũ nên thường xuyên gây gỗ, đe dọa đánh tôi. Ngoài ra anh còn thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho vợ con. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh P nữa, tôi yêu cầu ly hôn anh P.

Theo biên bản lấy lời khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn Lê Thanh P trình bày: Tôi và chị Đinh Thị C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V (cũ), nay là UBND xã Đ vào ngày 10/3/2003, giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2003. Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và đã ly thân được 02 tháng nay, nay không có khả năng hàn gắn. Nguyên nhân là gần đây C có nhắn tin trên facebook với bạn trai cũ, tối về vợ tôi cứ ôm cái điện thoại nên tôi có ghen tuông và nóng giận với vợ con. Trong thời gian vợ tôi bỏ đi thì tôi thấy nhà thiếu vắng người phụ nữ, con cái không ai chăm lo, nên nay tôi hối hận và không muốn ly hôn. Nhưng C cứ kiên quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên là: Lê Thị Mỹ V, sinh ngày 18/9/2002; Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 02/12/2008; Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 28/10/2012. Trong đó con Lê Thị Mỹ V đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết, 02 con Lê Thị Mỹ H và Lê Thị Mỹ N chưa đủ 18 tuổi. Chị đồng ý giao hết 02 con cho anh P nuôi dưỡng, giáo dục. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/con/tháng, 02 con là 5.000.000 đồng/tháng. Anh P đồng ý trực tiếp nuôi hết 02 con chưa thành niên và đồng ý mức cấp dưỡng mà chị Công trình B.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý hồ sơ đúng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc ly hôn và nuôi con, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn nguyên đơn tại phiên tòa, đồng thời đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà Đinh Thị C là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

[3] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh P và chị C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V cũ, nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên gần đây anh chị có mâu thuẫn và cả hai đều không nhường nhịn nhau dẫn đến đã ly thân và không có khả năng hàn gắn, mặc dù Tòa án đã động viên nhiều nhưng chị C vẫn kiên quyết ly hôn anh P. Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và anh P cũng đồng ý ly hôn với chị, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung, nhưng một cháu đã trên 18 tuổi, còn 02 cháu dưới 18 tuổi. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giao hết 02 con cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị C đồng ý cấp dưỡng một tháng 5.000.000 đồng/02con cho anh P nuôi con. Xét thấy, 02 con chung của anh chị đã trên 7 tuổi, tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án thì các cháu đều muốn sống với ba. Xét thấy thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng của chị C và anh P tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh chị nên cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung và cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp

Về án phí: Chị C là người khởi kiện nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị C ly hôn anh Lê Thanh P.

- Về con chung: Giao cho anh Lê Thanh P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con là Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 02/12/2008 và Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 28/10/2012. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/02 con/tháng (mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng), kể từ tháng 4/2026 đến khi các con đủ 18 tuổi

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Căn cứ vào quy định tại Điều 143 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị C phải chịu 600.000 đồng án phí về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị C đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010892, ngày 18/12/2025. Chị C còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (08/4/2026), có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 17;*
- *Phòng thi hành án KV 17;*
- *Các đương sự;*
- *Ủy ban nhân dân xã Đức Linh;*
- *Phòng KTNV –TAND tỉnh*
- *Lưu hồ sơ, bản án./.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA